

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 13-5-2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST, ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Thanh N, sinh năm 1984. Địa chỉ: khu phố 5, Tổ 46, phường A, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Hoàng A - Văn phòng Luật sư Huỳnh Ánh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Quốc Lộ 1, khóm 3, Phường 10, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim Y, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp B, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người kháng cáo: Anh Bùi Thanh N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Anh Bùi Thanh N trình bày như sau:***

Vào ngày 30/12/2010 anh và chị Nguyễn Kim Y tự nguyện chung sống, có đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 người con chung tên Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày 30/01/2012, hiện nay đang sống chung với Chị Y. Tài sản chung, nợ chung không có. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng về sau anh và chị Y phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, do chị Y đã vi phạm nghĩa vụ của người vợ, có tình cảm bên ngoài, hiện nay anh không còn tình cảm gì với chị Y do đó anh không thể tiếp tục chung sống với chị Y được nữa và anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 10/2019 đến nay, sau khi ly thân thì cuộc sống của anh và chị Y không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy có cuộc sống riêng của mình. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh không có ai biết.

Nay anh N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Kim Y;
- Về con chung: yêu cầu được nuôi con chung tên Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày 30/01/2012. Không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Kim Y trình bày:***

Chị thống nhất với lời trình của anh Bùi Thanh N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng về sau chị và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống. Nay anh N yêu cầu ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh N, lý do chị và anh N hiện nay không còn tình cảm gì với nhau.

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con chung tên Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày 30/01/2012 vì hiện nay con đang chung sống với chị, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

Vụ án được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm 07/2021/HNGĐ-ST, ngày 02 tháng 02 năm 2021 đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Thanh N và chị Nguyễn Kim Y. Anh Bùi Thanh N được ly hôn với chị Nguyễn Kim Y.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày 30/01/2012 cho chị Nguyễn Kim Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Anh Bùi Thanh N không ai có quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 05/02/2021, nguyên đơn anh Bùi Thanh N kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày 30/01/2012 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc tranh chấp nuôi con.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày và đề nghị: Đối với anh N có thu nhập ổn định, có nhà ở cùng cha mẹ từ trước (trước khi sinh cháu A) đến khi anh chị ly thân, có điều kiện nuôi con hơn chị Y và có trách nhiệm chăm sóc con tốt. Còn chị Y thì thu nhập không ổn định, điều kiện đi học của cháu A không tốt hơn ở thành phố. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Bùi Thanh N, sửa án sơ thẩm theo hướng giao cháu Kim A cho anh N nuôi dưỡng, anh N không yêu cầu cấp dưỡng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung kháng cáo, tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không

chấp nhận đơn kháng cáo của anh Bùi Thanh N. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ và đúng theo luật định.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân phường A, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17/10/2019 thì anh N, chị Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện, quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường hay cự cãi và xung đột dẫn đến việc hai vợ chồng không thể nào chung sống với nhau được nữa nên anh N yêu cầu ly hôn với chị Y. Sau khi thụ lý, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh chị không đồng ý hàn gắn. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được và cả hai đều thuận tình ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Thanh N và chị Nguyễn Kim Y. Cho anh N được ly hôn với chị Y.

Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Thanh N là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự thống nhất không kháng cáo, viện kiểm sát không kháng nghị, cho nên phần nội dung này đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Bùi Thanh N:

[2.1] Xét thấy, tại giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường A, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/02/2012 và lời trình bày của đương sự, quá trình chung sống anh N và chị Y có 01 người con chung tên Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày 30/01/2012, hiện nay cháu Kim A đang sống cùng chị Y.

[2.2] Tại đơn kháng cáo của anh N và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh N tại phiên tòa phúc thẩm: anh N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do anh N hiện là nhân viên bảo vệ tại Công ty Cổ phần

Đầu Tư Xây Dựng Địa Ốc N, thu nhập mỗi tháng 9.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định, anh N có điều kiện hơn chị Y trong việc nuôi con. Trong khi chị Y không có công ăn việc làm, không có chỗ ở ổn định, con từ nhỏ đã sống với anh N đến khi vợ chồng sống ly thân.

[2.3] Trong khi đó tại phiên tòa phúc thẩm chị Y trình bày không đồng ý giao con cho anh N nuôi mà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung với lý do con đang sống ổn định với chị từ tháng 10 năm 2019 đến nay, chị đã chăm sóc con tốt mặc dù anh N không cấp dưỡng, con giới tính nữ, đã được chị cho đi học và hiện đang học lớp 3 tại trường Tiểu học M thì ở kỳ 1, trường xác nhận học lực của cháu Kim A đạt loại giỏi, năng lực và phẩm chất đều xếp loại tốt, cháu Kim A phát triển tốt, hiện thu nhập của chị do làm thuê hàng tháng 4.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

[3] Xét thấy, anh N và chị Y không thỏa thuận được việc nuôi con và cả hai đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Bùi Ngọc Kim A hiện trên 9 tuổi (tại thời điểm xét xử sơ thẩm); theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...; nếu con từ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”.

[3.1] Đối với cháu Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày 30/01/2012 (trên 09 tuổi), giới tính nữ, hiện đang sống ổn định với chị Y, chị Y có chỗ ở ổn định, nếu giao cháu Kim A cho anh N nuôi sẽ làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu và nguyện vọng của cháu cũng muốn sống với chị Y.

[3.2] Căn cứ quy định trên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử giao cháu Kim A cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

[3.3] Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thì ông Lê Hoàng E khai, ông là Trưởng ban nhân dân ấp B (nơi chị Y đang sinh sống): Sau khi chị Y về quê thì đi làm nghề giáo và có đi làm thuê tại chợ M và cho con đi học cũng như tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2021 của chị Trần Thị Tuyết X thì chị X khai: hiện nay chị Y đang phụ giúp chị mua bán và có khi chị nhờ chị Y đi thành phố Hồ Chí Minh lấy vải và mỹ phẩm về bán, hàng tháng chị trả cho chị Y 4.000.000 đồng. Hơn nữa hiện nay cháu Kim A đang học lớp 3 tại xã M; Xét mọi mặt về đời sống vật chất, tinh thần, học tập, thì thấy cháu Kim A tiếp tục ở với mẹ là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, kể từ tháng 10 năm 2019 chị Y dẫn con về nhà mẹ ruột ở đến nay chị Y đều chăm sóc con tốt, mặc dù anh N không cung cấp phần tiền nào.

[3.4] Từ đó cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và quyết định giao cháu Kim A cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh N không cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Bùi Thanh N cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới về quyền được nuôi con để Hội đồng xét xử xem xét. Cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Bùi Thanh N.

[5] Lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn của luật sư không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên anh Bùi Thanh N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Bùi Thanh N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Thanh N và chị Nguyễn Kim Y. Anh Bùi Thanh N được ly hôn với chị Nguyễn Kim Y.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày 30/01/2012 cho chị Nguyễn Kim Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Bùi Thanh N không ai có quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Bùi Thanh N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006895 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh N đã nộp xong án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Bùi Thanh N phải chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007682 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Anh Bùi Thanh N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TX. N;
- Chi cục THADS TX. N;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Phụng